TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Mai Hương

Ông Đinh Xuân Nhuần

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị C, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Bùi Thế A, sinh năm 1987; nơi ĐKTT: Tổ dân phố T, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; đang chấp hành án tại Trại giam T, địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 20-6-2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Thế A đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Năm 2015, anh Thế A bị bắt; đến năm 2020, bị Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, xử phạt 22 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý. Hiện nay, anh Thế A đang chấp hành án tại Trại giam

Thạnh Hòa, địa chỉ: Ấp 1, xã Thủy Tây, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Do đó, từ năm 2015 đến nay, chị phải chăm sóc và nuôi dạy con nhỏ mà thiếu sự hỗ trợ từ phía người chồng cả về kinh tế và tình cảm. Vì vậy, chị đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn anh Thế A, chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

- Về con chung: Chị và anh Thế A có 01 con chung tên là Bùi Tuấn K, sinh ngày 25-8-2012. Do anh Thế A đang chấp hành án phạt tù, cháu K còn nhỏ nên chị đề nghị Toà án giao cháu K cho chị nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 09-12-2022, bị đơn là anh Thế A trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị C kết hôn năm 2011 do hai bên tìm hiểu và có tổ chức đám cưới. Sau thời gian chung sống, vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống nên anh đồng ý ly hôn chị C.

- Về con chung: Anh và chị C có 01 con chung là Bùi Tuấn K, sinh ngày 25-8-2012. Hiện nay, cháu K đang chung sống cùng chị C. Anh đồng ý để chị C nuôi con và anh không phải cấp dướng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh Thế A; giao cháu K cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Bùi Thế A, cư trú tại: Tổ dân phố Trung Dũng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về hôn nhân:

[3] Chị Lê Thị C và anh Thế A tự nguyện kết hôn, đủ độ tuổi kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 10-11-2011. Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Thế A là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Chị C và anh Thế A chỉ chung sống hoà thuận, hạnh phúc thời gian ngắn sau kết hôn, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hoà thuận, hạnh phúc. Năm 2015, anh Thế A bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma tuý; đến năm 2020, bị xét xử và hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thạnh Hòa, địa chỉ: Ấp 1, xã Thủy Tây, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị C và anh Thế A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị C và anh Thế A có 01 con chung là Bùi Tuấn K, sinh ngày 25-8-2012. Xét thấy, hiện tại, anh Thế A không đủ điều kiện để nuôi con, Cháu K đã và đang chung sống ổn định cùng chị C nên cần chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của chị C; giao cháu K cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị C và anh Thế A không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị C và anh Thế A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị C có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Thế A vắng mặt tại phiên tòa nên đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị C được ly hôn anh Bùi Thế A.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Bùi Tuấn K, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2012 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị C và anh Thế A không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Hoặc cho đến khi chị C và anh Thế A có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0002626 ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Thế A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mai Hương **Đinh Xuân Nhuần** **Vũ Trọng Đạt**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Quyết **Đinh Xuân Nhuần** **Vũ Trọng Đạt**